

Số: 521N2.16ĐG/50

Ngày 10/11/2017

## THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

- Đơn vị yêu cầu : Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp
- Địa chỉ : 64 ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Tp. HCM
- Hợp đồng nguyên tắc số: 121/QN.16-N2/HĐNT-THW ngày 19/10/2016
- Giấy yêu cầu và nhận thẩm định/ giám định số: 521N2.16ĐG ngày 24/10/2016.
- Nội dung yêu cầu :
  - Lấy mẫu nước sạch vào ngày 03/11/2017 và phân tích chất lượng nước. Chỉ tiêu yêu cầu phân tích: các chỉ tiêu nêu tại mục PL1.1, Phụ lục I của HĐNT số 121/QN.16-N2/HĐNT-THW ngày 19/10/2016.
  - Thể hiện mức quy định tại QCVN 01: 2009/BYT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống*) đối với các chỉ tiêu yêu cầu phân tích tại bảng kết quả phân tích mẫu.
- Địa điểm lấy mẫu : Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp – Nhà máy nước Tân Hiệp 2, ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian lấy mẫu : Ngày 03/11/2017 từ 09 giờ đến 09 giờ 20 phút
- Phương pháp lấy mẫu :
  - TCVN 6663-1: 2011: Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn lập trình chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
  - Tham khảo TCVN 6663-3: 2016: Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
  - TCVN 6663-5: 2009: Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn lấy mẫu nước uống từ các trạm xử lý và hệ thống phân phối bằng đường ống.
  - TCVN 8880: 2011 – Chất lượng nước, lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.
- Kết quả giám định: *Xem chi tiết từ trang 02/03 đến 03/03.*

*Lưu ý: Không được trích/ sao một phần Thông báo kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3.*

**Nơi nhận:**

- Công ty nước Tân Hiệp (04 bản);
- Lưu: N2.



**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Mai Văn Sung**

(Trang 01/03)

## KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

### 9.1 Nội dung thực hiện

- Lấy mẫu: vị trí lấy mẫu nước do đại diện Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp (bà Đoàn Võ Thị Thanh Trang) chỉ định, cụ thể tại 01 vòi “nước dịch vụ” (vòi thứ 3, tính từ tường bên phải) trong Phòng Hóa nghiệm. Mẫu sau khi lấy được niêm phong bằng niêm phong của Trung tâm Kỹ thuật 3 với số niêm KT325974.
- Chỉ tiêu yêu cầu phân tích: màu, mùi vị, độ đục, pH, độ cứng, TDS, amoni, clorua, florua, sắt tổng, mangan tổng, nitrat, nitrit, sunphat, chỉ số permanganate, clo dư, Coliform tổng và E. Coli.
- Hình ảnh thực hiện:



Lấy mẫu nước



Mẫu nước được niêm phong

### 9.2 Kết quả phân tích

STT	Tên chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả phân tích	Mức quy định <sup>(*)</sup>
1	Độ màu,	Pt. Co	TCVN 6185: 2008	< 5,0	15
2	Mùi ở 20 °C, 60 °C		Cảm quan	Không có mùi lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục,	NTU	SMEWW 2012 (2130 B)	< 1,0	2
4	Độ pH ở 25 °C,		TCVN 6492 : 2011	7,6	6,5 – 8,5
5	Độ cứng toàn phần quy về CaCO <sub>3</sub> ,	mg/L	SMEWW 2012 (2340 C)	41,9	300

## KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

(tiếp theo)

### 9.2 Kết quả phân tích

STT	Tên chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả phân tích	Mức quy định <sup>(*)</sup>
6	Tổng chất rắn hòa tan (TDS),	mg/L	SMEWW 2012 (2540 C)	68	1 000
7	Hàm lượng amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ),	mg/L	HACH Method 8038	< 0,1	3
8	Hàm lượng clorua (Cl <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2012 (4110 B)	17,1	250
9	Hàm lượng florua (F <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2012 (4110 B)	< 0,6	1,5
10	Hàm lượng sắt (Fe),	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02	0,3
11	Hàm lượng mangan (Mn),	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02	0,3
12	Hàm lượng nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2012 (4110 B)	2,2	50
13	Hàm lượng nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2012 (4110 B)	< 0,02	3
14	Hàm lượng sunphat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2012 (4110 B)	6,0	250
15	Chỉ số permanganate quy về O <sub>2</sub> ,	mg/L	TCVN 6186 : 1996	< 1,5	2
16	Clo dư,	mg/L	Đo tại hiện trường bằng Test Kit Chlorine CN-66F, Hach - USA	1,0	0,3 - 0,5
17	Tổng số coliform,	CFU/100 mL	TCVN 6187 - 1 : 2009	Không phát hiện	0
18	Escherichia coli,	CFU/100 mL	TCVN 6187 - 1 : 2009	Không phát hiện	0

*Ghi chú: (\*) ... Mức quy định nêu tại QCVN 01: 2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống) đối với các chỉ tiêu yêu cầu phân tích.*

Số: 521N2.16DG/51

Ngày 20/11/2017

## THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

- Đơn vị yêu cầu : Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp
- Địa chỉ : 64 ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Tp. HCM
- Hợp đồng nguyên tắc số: 121/QN.16-N2/HĐNT-THW ngày 19/10/2016
- Giấy yêu cầu và nhận thẩm định/ giám định số: 521N2.16DG ngày 24/10/2016.
- Nội dung yêu cầu :
  - Lấy mẫu nước sạch vào ngày 10/11/2017 và phân tích chất lượng nước. Chỉ tiêu yêu cầu phân tích: các chỉ tiêu nêu tại mục PL1.1, Phụ lục I của HĐNT số 121/QN.16-N2/HĐNT-THW ngày 19/10/2016.
  - Thể hiện mức quy định tại QCVN 01: 2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống) đối với các chỉ tiêu yêu cầu phân tích tại bảng kết quả phân tích mẫu.
- Địa điểm lấy mẫu : Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp – Nhà máy nước Tân Hiệp 2, ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian lấy mẫu : Ngày 10/11/2017 từ 09 giờ đến 09 giờ 20 phút
- Phương pháp lấy mẫu :
  - TCVN 6663-1: 2011: Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn lập trình chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
  - Tham khảo TCVN 6663-3: 2016: Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
  - TCVN 6663-5: 2009: Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn lấy mẫu nước uống từ các trạm xử lý và hệ thống phân phối bằng đường ống.
  - TCVN 8880: 2011 – Chất lượng nước, lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.
- Kết quả giám định: Xem chi tiết từ trang 02/03 đến 03/03.

*Lưu ý: Không được trích/ sao một phần Thông báo kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3.*

**Nơi nhận:**

- Công ty nước Tân Hiệp (04 bản);
- Lưu: N2 ✓



**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Mai Văn Sung**

(Trang 01/03)

## KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

### 9.1 Nội dung thực hiện

- Lấy mẫu: vị trí lấy mẫu nước do đại diện Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp (bà Đoàn Võ Thị Thanh Trang) chỉ định, cụ thể tại 01 vòi "nước dịch vụ" (vòi thứ 3, tính từ tường bên phải) trong Phòng Hóa nghiệm. Mẫu sau khi lấy được niêm phong bằng niêm nhựa của Trung tâm Kỹ thuật 3 với số niêm KT325978.
- Chỉ tiêu yêu cầu phân tích: màu, mùi vị, độ đục, pH, độ cứng, TDS, amoni, clorua, florua, sắt tổng, mangan tổng, nitrat, nitrit, sunphat, chỉ số permanganate, clo dư, Coliform tổng và E. Coli.
- Hình ảnh thực hiện:



Lấy mẫu nước



Mẫu nước được niêm phong

### 9.2 Kết quả phân tích

STT	Tên chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả phân tích	Mức quy định <sup>(*)</sup>
1	Độ màu,	Pt. Co	TCVN 6185: 2015	< 5,0	15
2	Mùi ở 20 °C, 60 °C		Cảm quan	Không có mùi lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục,	NTU	SMEWW 2012 (2130 B)	< 0,5	2
4	Độ pH ở 25 °C,		TCVN 6492 : 2011	7,3	6,5 – 8,5
5	Độ cứng toàn phần quy về CaCO <sub>3</sub> ,	mg/L	SMEWW 2012 (2340 C)	46,3	300

## KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

(tiếp theo)

### 9.2 Kết quả phân tích

STT	Tên chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả phân tích	Mức quy định <sup>(*)</sup>
6	Tổng chất rắn hòa tan (TDS),	mg/L	SMEWW 2012 (2540 C)	74	1 000
7	Hàm lượng amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ),	mg/L	HACH Method 8038	< 0,1	3
8	Hàm lượng clorua (Cl <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2012 (4110 B)	19,5	250
9	Hàm lượng florua (F <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2012 (4110 B)	< 0,6	1,5
10	Hàm lượng sắt (Fe),	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02	0,3
11	Hàm lượng mangan (Mn),	mg/L	US EPA 200.8	0,03	0,3
12	Hàm lượng nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2012 (4110 B)	2,5	50
13	Hàm lượng nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2012 (4110 B)	< 0,02	3
14	Hàm lượng sunphat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2012 (4110 B)	9,7	250
15	Chỉ số permanganate quy về O <sub>2</sub> ,	mg/L	TCVN 6186 : 1996	< 1,5	2
16	Clo dư,	mg/L	Đo tại hiện trường bằng Test Kit Chlorine CN-66F, Hach – USA	1,0	0,3 – 0,5
17	Tổng số coliform,	CFU/100 mL	TCVN 6187 – 1 : 2009	Không phát hiện	0
18	Escherichia coli,	CFU/100 mL	TCVN 6187 – 1 : 2009	Không phát hiện	0

*Ghi chú: (\*) ... Mức quy định nêu tại QCVN 01: 2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống) đối với các chỉ tiêu yêu cầu phân tích.*

Số: 521N2.16DG/52

Ngày 23/11/2017

## THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

- Đơn vị yêu cầu : Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp
- Địa chỉ : 64 ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Tp. HCM
- Hợp đồng nguyên tắc số: 121/QN.16-N2/HĐNT-THW ngày 19/10/2016
- Giấy yêu cầu và nhận thẩm định/ giám định số: 521N2.16DG ngày 24/10/2016.
- Nội dung yêu cầu :
  - Lấy mẫu nước sạch vào ngày 17/11/2017 và phân tích chất lượng nước. Chỉ tiêu yêu cầu phân tích: các chỉ tiêu nêu tại mục PL1.1, Phụ lục I của HĐNT số 121/QN.16-N2/HĐNT-THW ngày 19/10/2016.
  - Thể hiện mức quy định tại QCVN 01: 2009/BYT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống*) đối với các chỉ tiêu yêu cầu phân tích tại bảng kết quả phân tích mẫu.
- Địa điểm lấy mẫu : Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp – Nhà máy nước Tân Hiệp 2, ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian lấy mẫu : Ngày 17/11/2017 từ 09 giờ đến 09 giờ 20 phút
- Phương pháp lấy mẫu :
  - TCVN 6663-1: 2011: Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn lập trình chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
  - Tham khảo TCVN 6663-3: 2016: Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
  - TCVN 6663-5: 2009: Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn lấy mẫu nước uống từ các trạm xử lý và hệ thống phân phối bằng đường ống.
  - TCVN 8880: 2011 – Chất lượng nước, lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.
- Kết quả giám định: *Xem chi tiết từ trang 02/03 đến 03/03.*

Lưu ý: Không được trích/ sao một phần Thông báo kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3.

**Nơi nhận:**

- Công ty nước Tân Hiệp (04 bản);
- Lưu: N2



**PHÓ GIÁM ĐỐC, PHỤ TRÁCH**

**Trương Thanh Sơn**

(Trang 01/03)

## KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

### 9.1 Nội dung thực hiện

- Lấy mẫu: vị trí lấy mẫu nước do đại diện Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp (ông Thái Bá Nam) chỉ định, cụ thể tại 01 vòi "nước dịch vụ" (vòi thứ 3, tính từ tường bên phải) trong Phòng Hóa nghiệm. Mẫu sau khi lấy được niêm phong bằng niêm nhựa của Trung tâm Kỹ thuật 3 với số niêm KT325979.
- Chỉ tiêu yêu cầu phân tích: màu, mùi vị, độ đục, pH, độ cứng, TDS, amoni, clorua, florua, sắt tổng, mangan tổng, nitrat, nitrit, sunphat, chỉ số permanganate, clo dư, Coliform tổng và E. Coli.
- Hình ảnh thực hiện:



Lấy mẫu nước



Mẫu nước được niêm phong

### 9.2 Kết quả phân tích

STT	Tên chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả phân tích	Mức quy định <sup>(*)</sup>
1	Độ màu,	Pt. Co	TCVN 6185: 2015	< 5,0	15
2	Mùi ở 20 °C, 60 °C		Cảm quan	Không có mùi lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục,	NTU	SMEWW 2012 (2130 B)	< 0,5	2
4	Độ pH ở 25 °C,		TCVN 6492 : 2011	7,5	6,5 – 8,5
5	Độ cứng toàn phần quy về CaCO <sub>3</sub> ,	mg/L	SMEWW 2012 (2340 C)	39,4	300



## KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

(tiếp theo)

### 9.2 Kết quả phân tích

STT	Tên chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả phân tích	Mức quy định <sup>(*)</sup>
6	Tổng chất rắn hòa tan (TDS),	mg/L	SMEWW 2012 (2540 C)	66	1 000
7	Hàm lượng amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ),	mg/L	HACH Method 8038	< 0,1	3
8	Hàm lượng clorua (Cl <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2012 (4110 B)	15,2	250
9	Hàm lượng florua (F <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2012 (4110 B)	< 0,6	1,5
10	Hàm lượng sắt (Fe),	mg/L	US EPA 200.8 – 1994	< 0,02	0,3
11	Hàm lượng mangan (Mn),	mg/L	US EPA 200.8 – 1994	0,03	0,3
12	Hàm lượng nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2012 (4110 B)	1,9	50
13	Hàm lượng nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2012 (4110 B)	< 0,02	3
14	Hàm lượng sunphat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2012 (4110 B)	5,7	250
15	Chỉ số permanganate quy về O <sub>2</sub> ,	mg/L	TCVN 6186 : 1996	1,9	2
16	Clo dư,	mg/L	Đo tại hiện trường bằng Test Kit Chlorine CN-66F, Hach – USA	1,0	0,3 – 0,5
17	Tổng số coliform,	CFU/100 mL	TCVN 6187 – 1 : 2009	Không phát hiện	0
18	Escherichia coli,	CFU/100 mL	TCVN 6187 – 1 : 2009	Không phát hiện	0

*Ghi chú: (\*) ... Mức quy định nêu tại QCVN 01: 2009/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống) đối với các chỉ tiêu yêu cầu phân tích.*



Số: 521N2.16ĐG/53

Ngày 01/12/2017

## THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

- Đơn vị yêu cầu : Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp
- Địa chỉ : 64 ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Tp. HCM
- Hợp đồng nguyên tắc số: 121/QN.16-N2/HĐNT-THW ngày 19/10/2016
- Giấy yêu cầu và nhận thẩm định/ giám định số: 521N2.16ĐG ngày 24/10/2016.
- Nội dung yêu cầu :
  - Lấy mẫu nước sạch vào ngày 24/11/2017 và phân tích chất lượng nước. Chỉ tiêu yêu cầu phân tích: các chỉ tiêu nêu tại mục PL1.2, Phụ lục I của HĐNT số 121/QN.16-N2/HĐNT-THW ngày 19/10/2016.
  - Thể hiện mức quy định tại QCVN 01: 2009/BYT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống*) đối với các chỉ tiêu yêu cầu phân tích tại bảng kết quả phân tích mẫu.
- Địa điểm lấy mẫu : Công ty CP Đầu tư Nước Tân Hiệp – Nhà máy nước Tân Hiệp 2, ấp Thới Tây 1, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian lấy mẫu : Ngày 24/11/2017 từ 09 giờ đến 09 giờ 20 phút
- Phương pháp lấy mẫu :
  - TCVN 6663-1: 2011 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn lập trình chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
  - Tham khảo TCVN 6663-3: 2016 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Phần 3: Bảo quản và xử lý mẫu nước.
  - TCVN 6663-5: 2009 – Chất lượng nước – Lấy mẫu – Hướng dẫn lấy mẫu nước uống từ các trạm xử lý và hệ thống phân phối bằng đường ống.
  - TCVN 8880: 2011 – Chất lượng nước, lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.
- Kết quả giám định: *Xem chi tiết từ trang 02/04 đến 04/04.*

Lưu ý: Không được trích/ sao một phần Thông báo kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3.

**Nơi nhận:**

- Công ty nước Tân Hiệp (04 bản);
- Lưu: N2



**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Mai Văn Sung**

(Trang 01/04)

## KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

### 9.1 Lấy mẫu

- Lấy mẫu: vị trí lấy mẫu nước do đại diện Công ty cổ phần đầu tư nước Tân Hiệp (bà Đoàn Võ Thị Thanh Trang) chỉ định, cụ thể tại 01 vòi “nước dịch vụ” (vòi thứ 3, tính từ tường bên phải) trong Phòng Hóa nghiệm. Mẫu sau khi lấy được niêm phong bằng niêm nhựa của Trung tâm Kỹ thuật 3 với số niêm KT326817.
- Hình ảnh thực hiện:



Vị trí lấy mẫu



Mẫu nước được niêm phong

### 9.2 Kết quả phân tích

STT	Tên chỉ tiêu phân tích	Phương pháp thử	Kết quả phân tích	Mức quy định (*)
1	Độ màu, Pt. Co	TCVN 6185 : 2015	< 5,0	15
2	Mùi	Cảm quan	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục, NTU	SMEWW 2012 (2130 B)	< 0,5	2
4	Độ pH ở 25 °C,	TCVN 6492 : 2011	7,3	6,5 – 8,5
5	Độ cứng toàn phần quy về CaCO <sub>3</sub> , mg/L	SMEWW 2012 (2340 C)	55,9	300
6	Tổng chất rắn hòa tan (TDS), mg/L	SMEWW 2012 (2540 C)	77,8	1 000

**KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH**

(Tiếp theo)

STT	Tên chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả phân tích	Mức quy định (*)
7	Hàm lượng nhôm (Al),	mg/L	US EPA 200.8 – 1994	< 0,02	0,2
8	Hàm lượng amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ),	mg/L	HACH Method 8038	< 0,1	3
9	Hàm lượng asen (As),	mg/L	US EPA 200.8 – 1994	< 0,001	0,01
10	Hàm lượng cadimi (Cd),	mg/L	US EPA 200.8 – 1994	< 0,001	0,003
11	Hàm lượng clorua (Cl <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2012 (4110 B)	20,9	250
12	Hàm lượng crôm (Cr),	mg/L	US EPA 200.8 – 1994	< 0,005	0,05
13	Hàm lượng đồng (Cu),	mg/L	US EPA 200.8 – 1994	< 0,02	1
14	Hàm lượng cyanua (CN <sup>-</sup> ),	mg/L	TCVN 6181: 1996	< 0,005	0,07
15	Hàm lượng florua (F <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2012 (4110 B)	< 0,6	1,5
16	Hàm lượng hydrosulfua (H <sub>2</sub> S),	mg/L	HACH Method 8131	< 0,02	0,05
17	Hàm lượng sắt tổng (Fe <sup>2+</sup> + Fe <sup>3+</sup> ),	mg/L	US EPA 200.8 – 1994	< 0,02	0,3
18	Hàm lượng chì (Pb),	mg/L	US EPA 200.8 – 1994	< 0,005	0,01
19	Hàm lượng mangan (Mn),	mg/L	US EPA 200.8 – 1994	0,03	0,3
20	Hàm lượng thủy ngân (Hg),	mg/L	US EPA 200.8 – 1994	< 0,0005	0,001
21	Hàm lượng niken (Ni),	mg/L	US EPA 200.8 – 1994	< 0,005	0,02
22	Hàm lượng nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2012 (4110 B)	2,1	50

**KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH**

(Tiếp theo)

STT	Tên chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả phân tích	Mức quy định (*)
23	Hàm lượng nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2012 (4110 B)	< 0,02	3
24	Hàm lượng selen (Se),	mg/L	US EPA 200.8 – 1994	< 0,005	0,01
25	Hàm lượng natri (Na),	mg/L	SMEWW 2012 (3111 B)	6,74	200
26	Hàm lượng sunphat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> ),	mg/L	SMEWW 2012 (4110 B)	9,9	250
27	Hàm lượng kẽm (Zn),	mg/L	US EPA 200.8 – 1994	< 0,02	3
28	Chỉ số permanganate quy về O <sub>2</sub> ,	mg/L	TCVN 6186 : 1996	< 1,5	2
29	Hàm lượng phenol và dẫn xuất phenol <sup>(1)</sup> ,	µg/L	SMEWW 2012 (6420 C)	< 1,0	1
30	Hàm lượng monocloramin,	µg/L	TCVN 6225-2: 2012	< 3,0	3
31	Hàm lượng clo dư (Cl <sub>2</sub> ),	mg/L	Đo tại hiện trường bằng Test Kit Chlorine CN-66F, Hach – USA	0,8	0,3 – 0,5
32	Tổng số coliform,	CFU/100 mL	ISO 9308-1: 2014	KPH	0
33	Escherichia coli,	CFU/100 mL		KPH	0

*Ghi chú:* - Tk: tham khảo

- KPH: không phát hiện

- <sup>(1)</sup> ...Hàm lượng phenol và dẫn xuất phenol được khảo sát trên các cấu tử sau:

- |                    |                              |
|--------------------|------------------------------|
| 1. Phenol          | 5. 2, 4- Dichlorophenol      |
| 2. 2- Nitrophenol  | 6. 2, 4- Dimethylphenol      |
| 3. 4- Nitrophenol  | 7. 4- Chloro- 3-methylphenol |
| 4. 2- Chlorophenol |                              |

(\*) ... Mức quy định nêu tại QCVN 01:2009/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống